

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHÙA VIỆT THEO KHÔNG GIAN

THS.KTS PHẠM THỊ TỐ QUỲNH | TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

Tóm tắt

"Phát triển nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc: bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu, chọn lọc tinh hoa thế giới, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam, đồng thời quảng bá kiến trúc Việt Nam ra thế giới" là một trong những mục tiêu được xác định trong Định hướng Phát triển Kiến trúc Việt Nam đến 2030 tầm nhìn 2050, đây là mục tiêu có tính nguyên tắc, xuyên suốt quá trình phát triển nền kiến trúc nước nhà, đặc biệt là Việt Nam đang trong bối cảnh toàn cầu hóa. Chiếm một khối lượng lớn trong kho tàng tinh hoa truyền thống của dân tộc ta là các kiến trúc truyền thống và dân gian, tiêu biểu là các kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng như kiến trúc đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ... Trong số các kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng truyền thống đó, kiến trúc chùa có vai trò, vị trí quan trọng, biểu hiện nét đặc trưng của kiến trúc văn hóa truyền thống, thể hiện bản sắc dân tộc Việt Nam. Bài báo đem lại cái nhìn hệ thống về sự hình thành và phát triển của chùa Việt Nam theo không gian, làm cơ sở cho việc kế thừa và phát huy, góp phần cho việc xác định một cách đúng đắn con đường tìm tòi và sáng tạo để nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Abstract

"Developing modern Vietnamese architecture, imbued with national cultural identity: preserving, inheriting, promoting traditional architectural values, absorbing and selecting world quintessence, creating style of Vietnamese architecture, and at the same time promote Vietnamese architecture to the world" is one of the goals identified in the Orientation for Development of Vietnamese Architecture to 2030 with a vision to 2050. This is a principled goal throughout the process of developing the country's architecture, especially in Vietnam in the context of globalization. Occupying a large amount of our nation's traditional quintessence are traditional and folk architectures, typically religious and belief architectures such as communal houses, pagodas, temples, shrines, churches... Among those traditional religious and religious architecture, pagoda architecture has an important role and position, expressing the characteristics of traditional cultural architecture and expressing Vietnamese national identity. The article provides a systematic view of the formation and development of Vietnamese pagodas in space, serving as a basis for inheritance and promotion, contributing to correctly determining the path of exploration and creation. creating advanced Vietnamese architecture, imbued with national identity.



Chùa Kim Liên (Hà Nội) - mặt bằng kiểu chữ "Tam"

TỔNG QUAN VỀ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO THEO KHÔNG GIAN

Bắc Bộ

Miền Bắc Việt Nam gồm Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ. Với bề dày lịch sử, phát triển liên tục và cư dân sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, làm nông nghiệp thuần túy, nên mọi tín ngưỡng của người dân trồng lúa nước như thờ Thành Hoàng, thờ Mẫu, thờ các ông tổ nghề... có mặt khắp nơi trên hầu khắp miền Bắc Bộ và tiềm ẩn trong tâm thức của mỗi cư dân.

Khi được du nhập từ Ấn Độ vào Bắc Bộ, Phật giáo được bản địa hóa. Hệ thống chùa Tứ Pháp là chứng tích cho sự kết hợp giữa Phật giáo với các tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc nguyên thủy ở Việt Nam. Sự hòa nhập Phật giáo với các tín ngưỡng dân gian còn được thấy qua các ngôi chùa "Tiền Phật hậu Thần" hay "Tiền Phật hậu Thánh" ở miền Bắc.

Trung Bộ

Địa hình Trung Bộ hẹp theo chiều ngang Đông - Tây, theo chiều dọc Bắc - Trung - Nam được chia cắt bởi các đèo là những dãy núi đối tách từ Trường Sơn đâm ngang ra biển.

Khác với Nam Bộ được khai phá muộn hơn, khác với Bắc Bộ là địa bàn tự cư và được khai thác lâu đời của người Việt, vùng Trung Bộ có một thời gian thuộc tiểu vương quốc Chăm-pa, vì vậy vùng văn hóa Trung Bộ có nhiều dấu tích Chăm-pa. Trung Bộ được người Việt khai phá theo kiểu tiệm tiến, sự cộng cư với người Chăm, thái độ ứng xử với những vốn văn hóa Chăm đã tạo sự giao lưu văn hóa ở Trung Bộ có những điểm khác biệt, đó là sự tiếp thu tín ngưỡng thờ bà mẹ xứ sở của người Chăm. Với tín ngưỡng thờ Mẫu tiềm ẩn trong tâm thức, khi vào Trung Bộ, người Việt gặp tín ngưỡng của người Chăm, họ đã tiếp thu và chuyển hóa các nữ thần Chăm thành các nữ thần Việt. Sự tiếp biến văn hóa đã tạo cho diện mạo tín ngưỡng của người Việt ở Trung Bộ khác biệt so với các miền khác.

Nam Bộ

Tiến trình lịch sử của Nam Bộ có những nét khác biệt so với các địa phương

khác. Nếu như Trung Bộ, Bắc Bộ là những vùng lịch sử liên tục thì Nam Bộ có lịch sử phát triển trải qua sự ngắt quãng, sự biến mất của nền văn hóa Óc Eo vào cuối thế kỉ VI, vùng Nam Bộ rơi vào tình trạng hoang vu hiểm trở. Thế kỉ XVI, sự phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài là một mốc quan trọng ảnh hưởng đến lịch sử Phật giáo. Một phần nào đó những ảnh hưởng từ phương Bắc đã được xem như không còn phát huy tác dụng với miền Nam. Và đây chính là dấu ấn tạo cho Phật giáo Đàng Trong mang những đặc trưng mới trong quá trình phát triển sau này.

Từ thế kỉ XVII, Nam Bộ có nhiều thành phần dân cư khác nhau đến định cư tại các thời điểm khác nhau vì thế các hình thức tôn giáo tín ngưỡng phong phú, đa dạng. Song Phật giáo vẫn luôn là tôn giáo chủ đạo.

Phật giáo thâm nhập vào Nam Bộ bằng 3 hướng chính: hướng từ miền Thuận Quảng, những nhà sư người Việt, người Hoa theo cả đường thủy và đường bộ; hướng từ Trung Quốc, những nhà sư theo đường biển từ Trung Quốc; hướng từ Campuchia, những nhà sư đi theo đường bộ.

Phật giáo Nam Bộ bắt đầu được mở mang cùng với sự khai phá đất đai của di dân. Những ngôi chùa, am đầu tiên được xây dựng khoảng thế kỷ XVII để thỏa mãn nhu cầu về tinh thần cho người dân ở vùng đất mới. Thời chúa Nguyễn, ở Đàng Trong với địa thế thuận lợi, nơi gặp gỡ của các dân tộc khác nhau, giao lưu giữa các nền văn hoá khác nhau dẫn đến tính chất đa dạng của Phật giáo trong cộng đồng người Nam Bộ đến ngày nay. Các ngôi chùa xây dựng trong thế kỷ XVIII còn lại cho đến ngày nay trở thành đặc trưng cho kiến trúc chùa cổ Nam Bộ như Giác Lâm, Giác Viên... Phật giáo Nam Bộ thời kỳ Pháp thuộc bắt đầu bị suy thoái. Từ năm 1860-1865, nhiều ngôi chùa cổ bị đập phá hoặc sử dụng làm phòng tuyến, đồn bót... Tình trạng này kéo dài đến những năm 20 của thế kỷ XX. Phong trào chấn hưng Phật giáo bắt đầu khởi sắc và có những kết quả nhất định thì chiến tranh lại nổ ra.

Chùa ở miền Nam về cơ bản có thể chia thành 2 loại: kiến trúc cổ và mới và mang những hình thức chủ yếu của chùa miền Trung. Tuy vậy phải khẳng định rằng kiến trúc tự viện của phái Nam Tông và

Khất Sĩ lại ảnh hưởng từ trong Nam ra miền Trung.

Phật giáo tiểu thừa từ Thái Lan du nhập vào miền Nam nên Phật điện ở đây thường ít tượng hơn miền Bắc.

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHÙA VIỆT NAM THEO KHÔNG GIAN

Xét về niên đại, các ngôi chùa ở Bắc Bộ thường có lịch sử lâu đời từ vài trăm năm đến ngàn năm. Trong khi đó, ở miền Trung, chùa cổ nhất còn lại có thể kể đến chùa Thiên Mụ có lịch sử gần 400 năm, còn ở Nam Bộ thì trên dưới 300 năm.

Số chùa ở Hà Nội và Huế thường xây từ đầu thế kỷ XX trở về trước, trong khi đó, ở TPHCM, khoảng 2/3 số chùa xây từ sau năm 1954. Do đó, nhìn chung ở Bắc và Trung, kiến trúc chùa mang vẻ cổ kính hơn, chùa Nam Bộ thiên về xu hướng cách tân lộng lẫy.

Quá trình giao lưu của văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Quốc, văn hóa Champa; điều kiện khí hậu khác nhau tạo cho kiến trúc chùa ở ba miền Bắc, Trung và Nam có những nét độc đáo, đặc sắc riêng.

Bắc Bộ

Miền Bắc là cội nguồn văn hóa của các miền Trung và Nam. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, thảm thực vật sinh sôi phát triển tạo nên những nét riêng cho kiến trúc chùa Bắc bộ.

Với khí hậu thuận lợi cho cây cối phát triển, gỗ là loại vật liệu địa phương sẵn có, nên kết cấu của chùa miền Bắc chủ yếu là gỗ. Mái chùa được làm theo kiểu "Tàu đao lá mái", với loại ngói lợp là ngói bản (ngói mũi hài, ngói di, ngói liệt...).

Mặt khác, miền Bắc chịu ảnh hưởng trực tiếp của Phật giáo đại thừa từ Phương Bắc nên tượng trong Phật điện thường nhiều hơn.

Bố cục mặt bằng - Kiến trúc Phật điện

Bố cục các chùa thường theo kiểu chữ "Đình" như chùa Châu Long (Ba Đình), chùa Diên Phúc (Gia Lâm), chữ "Công" như chùa Bà Đá, chùa Đông Ba (Tứ Liên), chùa Hòe Nhài..., chữ "Tam" như chùa Tây Phương, chùa Kim Liên, "Nội công



Góc mái chùa Kim Liên (Hà Nội)

ngoại quốc” như chùa Bảo Sơn (Cổ Loa), chùa Đào Xuyên (Gia Lâm), chùa Huỳnh Cung (Thanh Trì)..., chữ “Nhị” như chùa Tĩnh Quang (Gia Lâm).

Kết cấu chịu lực

Cũng giống các kiến trúc dân tộc khác, kết cấu ngôi chùa Việt đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là khung gỗ mái ngói, xây trên nền bằng đất, đá đắp cao hơn so với xung quanh. Kiến trúc các công trình thường được tổ hợp từ các gian vì kèo với số gian lẻ, độ sâu lòng nhà xác định dựa trên số hàng cột trong một gian vì kèo. Hệ khung gỗ dễ tháo lắp, vận chuyển, vững chãi nhờ các mối liên kết bằng mộng. Các trọng tâm chịu lực chính là chân móng (đối với tháp, tường chịu lực), và các cột gỗ, cột bê tông, cột gạch (đối với công trình chịu lực bằng hệ khung gỗ, khung bê tông...). Các bộ phận khác trong nhà đều phải chịu một lực nhất định, tương xứng với chức năng của nó. Các xà ngang, dọc khác giằng vào nhau, chuyển lực về vị trí chịu lực chính. Sự lắp ghép bộ vì thể hiện ở khoảng cách giữa các cột (câu đầu, xà nách) và hài hoà với độ dốc của mái (kê, bẩy).

Điều này dẫn đến công thức xác định khoảng chày của độ dốc công trình: “câu tam, cổ tứ, huyền ngũ” tức là một tam

giác vuông chiều đứng 3 phần, chiều nằm 4 phần, đường huyền 5 phần. Trên các dạng thức này, người thợ có thể sáng tạo ra các kiểu bộ vì chống rường đầu, giá chiêng, kê ngói, kê truyền, kê hiên...

Kết cấu bao che

Kiến trúc các công trình chùa Bắc Bộ thường gặp là kiểu tấu đao lá mái với các đầu đao cong vút, mang lại cảm giác nhẹ hơn cho phần mái nặng nề chiếm tới 2/3 công trình. Mái có kết cấu theo kiểu kê chuyển, bẩy góc, do đó không xoè rộng như mái các nước làm theo phương pháp “chống đầu tiếp đuôi”. Hình thức cũng khác hơn do mái Việt Nam dốc thẳng từ đường bờ nóc xuống dưới cùng để tỳ lên chân tấu lá mái ở bên dưới. Trong khi đó, mái của Trung Quốc, Nhật Bản hay Hàn Quốc... được làm võng theo đường dốc mái.

Điều khắc kiến trúc

Đối với các công trình chùa hiện nay, điều khắc trên cấu kiện là phổ biến. Truyền thống chạm bệ, chạm bong kênh, chạm lộng những hình ảnh rồng phượng, hoa lá được thể hiện đã tạo nét riêng cho ngôi chùa, cho cả một thời kỳ. Đối với kết cấu gỗ, trang trí chủ yếu tập trung vào các đầu xà, ván mê, cốn, còn ở các vì kèo thì thường được chạm nông

để bảo đảm được tính vững bền của kết cấu. Chân tảng, bậc cấp hay thành bậc chạm trổ khéo léo cũng mang lại những thụ cảm mỹ thuật nhất định.

Đầu đao uốn cong trang trí với hình rồng, hình hoa. Trên bờ nóc thường trang trí con kìm ở hai đầu, giữa là hình tượng lưỡng long chầu nguyệt hoặc lưỡng long tranh châu. Trên hai đầu hồi ở dạng công trình đầu hồi bít đốc có thể không trang trí, chỉ để gạch trần hoặc trát vữa quét vôi, hoặc được trang trí dạng hổ phù, long hàm thọ hoặc hoa văn. Cửa đi thường có panô ở dưới, phần thoáng bên trên có thể có con tiện tròn, bệ, chạm lộng hoặc trang trí dạng chữ vạn.

Bài trí tượng thờ

Các lớp tượng cũng được phân bố theo các lớp kiến trúc tạo nên các con đường ngang dọc trong không gian chùa.

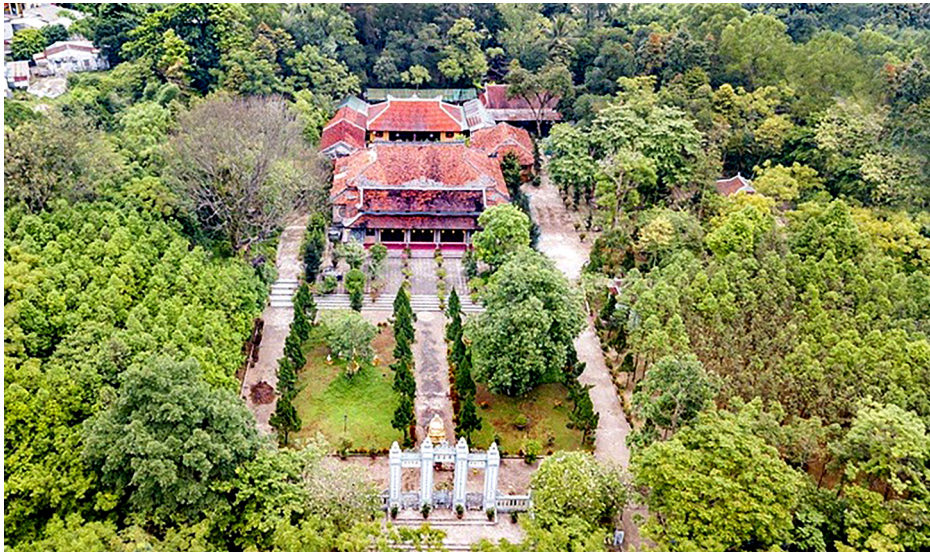
Trung Bộ

Mặt bằng chùa theo kiểu chữ “Khẩu”, chữ “Nhất”, hoặc chữ “Tam”. Những tòa tiền đường hay điện thờ làm theo kiểu “Trùng lương” hay “Trùng thiềm”. Mái lợp ngói âm dương có màu. Trang trí nóc với các mô típ long lân quy phượng do ảnh hưởng của kiến trúc tháp Chăm-pa và kiến trúc cung đình. Kết cấu đã chuyển từ gỗ sang gạch nung.

Đối với miền Trung, Phật giáo thâm nhập vào theo đường biển đến Đà Nẵng và từ Đà Nẵng đi các vùng miền Trung. Vùng Trung Bộ có một thời kỳ thuộc vương quốc Chăm-pa trước khi thuộc về người Việt. Do đó, lịch sử vùng đất Trung Bộ đi liền với sự cộng cư và hoà nhập giữa hai nền văn hoá lâu đời đó.

Bố cục mặt bằng - Kiến trúc Phật điện

Chùa bố trí theo lối chữ “Tam”: chùa Chúc Thánh (Hội An), chùa Thiên Mụ (Huế). Đặc biệt chùa Thiên Mụ mang ảnh hưởng rõ rệt của Nho giáo với tính chất cung đình: bố cục không khép kín, tiền hậu tả hữu với chánh điện là trung tâm. Chùa được bố cục theo kiểu chữ “Nhất”: chùa Ba La Mật, chùa Trường Xuân, chùa Quang Đức, chùa Thiên Lương (Huế). Chữ “Môn” như chùa Hải Đức (Huế). Chùa Từ Đàm có mặt bằng hình chữ “Đình”, cả hai loại chùa này đều có gác chuông gác trống hai bên.



Chùa Quốc Ân (Huế) - mặt bằng chữ "Khẩu"



Chùa Từ Hiếu (Huế) - tổ hợp mái kiểu chống diêm trùng thiềm"

Điểm khác biệt với miền Bắc là xuất hiện ngôi chùa chữ "Khẩu": chùa Quốc Ân khánh thành năm 1684 (Huế), chùa Hàm Long (Huế) xây dựng cuối thế kỷ XVII, chùa Thiên Tông (Huế) xây dựng năm 1708, chùa Từ Hiếu (Huế) xây dựng năm 1848, chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định xây dựng năm 1677, chùa Long Khánh xây dựng năm 1655 (Bình Định), chùa Đông Thuyền (Huế)... Chùa chữ "Khẩu" ra đời do người Kinh vào đây tiếp thu văn hoá Ấn Độ giáo qua người Chăm, coi số 4 rất thiêng liêng, nên xây dựng chùa gồm 4 toà nhà. Hơn nữa, ngôi chùa chữ "Khẩu" tạo nên một Thiên Tỉnh ở giữa, lấy ánh sáng ra 4 bên nhằm để cao mệnh trời. Chùa chữ "Khẩu" gồm khu chính điện trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ, khu nhà hậu làm nhà Thiền, khu Đông đường và Tây đường hai bên là nơi tiếp khách và chỗ ở của tăng chúng.

Từ Quảng Trị trở vào thì xuất hiện nhiều chùa thuộc hệ phái Nam Tông và hệ phái

Khất sĩ. Kiến trúc và Phật điện của các hệ phái này tương tự như ở miền Nam.

Kết cấu chịu lực

Kết cấu gỗ ở miền Trung thể hiện quan những bộ vì cao thoáng, kết cấu theo lối biến thể của vì kèo chống rường, một đặc điểm đặc trưng của kiến trúc gỗ ở miền Trung. Hệ con sơn nằm ngang kiểu đầu củng Trung Quốc đã được cải biên ra đời thay cho hệ thống bẩy phát triển ngoài miền Bắc. Thường gặp nhất là chùa một gian hai chái, kiểu tứ vị tam gian, cột kèo xuyên trính (chùa Đông Thuyền, chùa Quảng Tế - Huế).

Kết cấu bao che

Tổ hợp mái kiểu chống diêm "trùng thiềm" được sử dụng nhiều trong những công trình chùa ở Huế (đặc trưng như là chùa Từ Hiếu và các chùa khác như chùa Báo Quốc, Vạn Phước, Kim Sơn, Linh

Quang, Tây Thiên) và ở Đà Lạt (chùa Linh Quang, Linh Phong). Góc mái thẳng, đầu mái mang lại cảm giác cong do bờ nóc và trang trí nóc tạo thành, ví dụ điện Đại Hùng chùa Thiên Mụ, chùa Từ Đàm...

Ngói được sử dụng là ngói men màu vàng nhạt hoặc ngói âm dương (chùa Vạn Phước - Huế), ngói ống (chùa Từ Đàm - Huế), ngói ta màu nâu đỏ, ngói liệt (chùa Kim Tiên, Thiền Hưng, Thánh Duyên - Huế). Một số chùa có mái kiểu "bánh ít" với kết cấu xuyên trính với 4 mái như chùa Đông Thuyền, Quảng Tế, Thiền Hưng (Huế), Thập Tháp di đà (Bình Định), Hội Phước (Nha Trang)...

Điều khắc kiến trúc

Kiến trúc miền Trung sử dụng sơn mài trong các cột, với hai gam chủ đạo là đỏ và đen cùng màu vàng tạo nên một sắc hài hoà và ấm. Các mô típ long lân quy phụng được trang trí trên bờ nóc (chùa Thiên Mụ). Lưỡng long chầu Pháp luân (nóc chùa Kim Sơn - Huế, nóc chùa Từ Đàm - Huế). Các bức phù điêu đắp các tích trong kinh Phật (giữa hai tầng mái chùa Kim Sơn, chùa Từ Đàm), khảm sành sứ (chùa Từ Đàm). Chùa Diệu Đế, chùa Tây Thiên Di Đà (Huế) trang trí vẽ rồng ở trên cột và trần nhà.

Bài trí tượng thờ

Việc thờ Tổ trở nên quan trọng hơn, thường bàn thờ sư tổ được đặt ngay sau bàn thờ Phật tạo thành cách thờ tiền Phật hậu Tổ. Ví dụ như chùa Quốc Ân (Huế), chùa Từ Hiếu (Huế), chùa Chúc Thánh (Hội An) đều có dạng chính điện (đại hùng bảo điện) phía trước thờ Phật, phía sau ngăn ra thành gian thờ Tổ hoặc các tầng chúng quá cổ. Các chùa thường thờ tượng Di Lặc, thờ Quan Âm, Địa Tạng bồ tát.

Nam Bộ

Tính địa phương được thể hiện rõ nét trong kiến trúc chùa Nam Bộ. Mặt bằng chùa thường hình chữ tam - gồm ba nếp nhà: chính điện, giảng đường và trai đường. Chính điện và nhà tổ thường được thiết kế cùng một gian và theo dạng "tiền Phật hậu Tổ".

Do thời tiết Nam Bộ một năm chỉ có hai mùa: mưa và nắng - mưa nhiều nhưng không nhỏ và thời gian mưa không lâu như ở miền Bắc nên mái chùa thường có đường nóc ngắn, 4 mái rộng, đỉnh



Chùa Giác Lâm - mặt bằng kiểu chữ "Tam"



Khu chính điện chùa Giác Lâm

mái nhọn và góc không vút cong, không hót cao ở các đầu đao mà vuông bằng sắc cạnh để thoát nước nhanh - kiểu mái "bánh ít". Ngói máng xối (ống) được thay thế cho loại ngói bản ở miền Bắc.

Trong kiến trúc chùa Nam Bộ còn có nét riêng mang dấu ấn của phong tục tập quán: sự kiêng kỵ không mở cửa chính ở chính điện vì cho rằng quỷ thần thường đi theo đường thẳng - do đó thiết kế bình phong án ngữ trước chính điện, và vào chính điện bằng cửa ở hai bên.

Kết cấu tường mái "tứ tượng" phổ biến ở chùa Nam Bộ với các vì kèo tạo dáng vuông trên nóc, tỏa xuống thành 8 ngăn nhỏ dạng bát quái, ngăn cách bởi các vì kèo và cột, thể hiện vũ trụ quan và nhân sinh quan Đông Phương.

Là thuộc địa của Pháp từ 1862-1945, diện mạo kiến trúc chùa Nam Bộ chịu nhiều ảnh hưởng của phương Tây, kết cấu bê tông cốt thép, gạch vôi, vữa đã thay cho kết cấu gỗ truyền thống.

Bố cục mặt bằng - Kiến trúc Phật điện

Đa số các chùa ở Nam Bộ quay về hướng Nam. Kiến trúc chùa cổ thường gặp với nhiều toà nhà song song nối lại với nhau và phát triển theo chiều sâu. Dạng vì kèo nhà xiên trính (theo cách gọi Nam Bộ) 1 gian 2 chái ở dạng chữ "Nhất", hoặc nhà xếp đôi (theo cách gọi nhà nông thôn Nam Bộ). Dạng chữ "Nhị" có sân thiên tỉnh ở giữa (chùa Phụng Sơn, chùa Giác Viên xây dựng năm 1805), hoặc dạng nhà chữ "Tam" và có sân thiên tỉnh (chùa Giác Lâm xây dựng năm 1774, chùa Phước Tường năm 1741). Chùa luôn có sân thiên tỉnh và không gian chuyển tiếp với bên ngoài là hành lang bao quanh các mặt chùa, tạo điều kiện cho ánh sáng đi gián tiếp vào sâu bên trong

công trình. Đôi khi mặt bằng chùa cũng có dạng chữ "Công" và chữ "Đình". Đặc biệt, có chùa hình vuông do kết cấu chịu lực cột và tường đều bằng đá như chùa Thiên Thai (Vũng Tàu). Có một số đặc điểm của chùa Nam Bộ mà hiện nay đã ảnh hưởng đến ngoài Bắc và Trung Bộ đó là thờ tượng Đức Quan Âm Bồ Tát ngoài sân dạng đài hoặc có mái che và thường được đặt trước chánh điện. Dấu ấn về phong tục cũng được thể hiện qua bình phong án ngữ trước mặt tiền chính điện và ra vào chính điện bằng 2 lối cửa bên.

Kết cấu chịu lực

Nói chung, cả kết cấu lẫn hình thức kiến trúc chùa Nam Bộ đơn giản hơn nhiều so với ngoài Bắc. Các cột chịu lực không theo kiểu dáng như miền Bắc mà hầu hết là cột nhỏ, thẳng và cao.

Kết cấu gỗ: cột, xà, kèo, kẻ... Kết cấu tứ trụ ở giữa, qua hệ thống xà lòng tạo cho các mặt phẳng kiến trúc đặt ổn định về cả 4 phía, tạo thành bộ khung tứ tượng trên mái phản ánh vũ trụ quan và nhân sinh quan Đông Dương. Kèo xuyên (dỡ mái chính) và kèo trính (kèo góc) đỡ toàn bộ hoành và rui, dễ dàng lợp ngói âm dương xếp chồng nhau lên tới nóc - "mái bánh ít".

Từ những năm 45 trở về trước, tại Nam Bộ cũng đã xuất hiện những ngôi chùa có kết cấu gạch đá xi măng và chịu ảnh hưởng của hình thức kiến trúc các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật, Pháp. Ví dụ chùa Vĩnh Trạng năm 1907 (Mỹ Tho) sử dụng kết cấu gạch đá xi măng có kiến trúc nền cao phỏng theo kiểu kiến trúc đá kiểu cột dầm đến đài ở Campuchia. Chùa Giác Hải tại TPHCM với hình thức gần giống một nhà thờ Thiên Chúa giáo được xây dựng năm 1920...

Kết cấu bao che

Mái ngói âm dương kiểu mũi luyến, kết cấu mái kiểu "tứ tượng" phổ biến ở chùa Nam Bộ (chùa Giác Lâm). Mái chùa rộng có các sống mái thẳng, đường nóc ngắn, đỉnh mái nhọn và các đầu đao không uốn cong như ngoài Bắc. Ngói âm dương được sử dụng để thoát nước tốt hơn và phù hợp với khí hậu hai mùa mưa nắng của Nam Bộ. Một số chùa sử dụng tường bằng đá xanh dày khoảng 40cm như chùa Long Hoà, chùa Thiên Thai. Trang trí mặt tiền các chùa này cũng ảnh hưởng của chùa Hoa, có trang trí nhiều đề tài trên mái và lợp ngói ống như chùa Long Bàn (Vũng Tàu), mái chồng diêm như chùa Thiên Thai.

Điều khắc kiến trúc

Khác với ngoài Bắc, trang trí chùa Nam Bộ so với đình Nam Bộ thì phong phú hơn rất nhiều. Tuy nhiên, chùa Nam Bộ về điều khắc trên kết cấu gỗ thường ít gặp, chỉ chủ yếu là điều khắc trên các cửa vồng, ban thờ... Điều khắc trên kiến trúc được thể hiện rõ nhất là trên kết cấu bao che. Các mô típ thường gặp là lưỡng long tranh châu trên bờ nóc (Chùa Giác Lâm, chùa Phước Tường).

Bài trí tượng thờ

Chùa Nam Bộ phổ biến việc thờ Tổ ngay trong không gian thờ Phật, như chùa Giác Hải (1890), chùa Giác Lâm tại TPHCM. Các vị sư tổ có công hoằng dương Phật Pháp. Thờ tượng Đạo Lão cũng gặp ở một số chùa, ví dụ thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu ở chùa Sắc Tứ Từ Ân. Miếu thờ Linh Sơn Thánh Mẫu trong khuôn viên chùa Giác Lâm là một minh chứng cho sự cộng sinh của tôn giáo và tín ngưỡng.

Chùa Miền Nam tôn thờ Đức Thích Ca hoặc A Di Đà làm chủ đạo, ví dụ chùa Vĩnh Tràng, Tây An thờ Phật A Di Đà.

Chùa Nam Bộ ít tượng thờ do Phật giáo Tịnh Độ Tông tôn thờ Đức A Di Đà làm giáo chủ với cách tu Phật dễ nhất, chỉ cần niệm nhiều lần tên A Di Đà Phật là có thể tu Phật và thành Phật, và do ảnh hưởng của Phật giáo Tiểu Thừa, chỉ tôn thờ Đức Thích Ca. Những ngôi chùa Nam Bộ là những không gian phong phú tạo nên ấn tượng thiêng liêng về Phật cứu độ chúng sinh, về luân hồi chuyển kiếp, về ở hiền gặp lành.

KẾT LUẬN

Kiến trúc chùa Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa bản địa - tín ngưỡng sùng bái thiên nhiên - với văn hóa Phật giáo du nhập từ Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan. Sự hội nhập của các nền văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc, Chăm-pa... không những không làm mất đi những bản sắc văn hóa riêng của dân tộc Việt Nam mà còn góp phần làm phong phú thêm những giá trị tinh túy do nền văn hóa đó mang lại. Ngoài thờ Phật, trong không gian ngôi chùa Việt còn có thờ Thần, thờ Thánh, có cả những công trình kiến trúc tôn giáo khác: đền, miếu phủ - thể hiện sự hòa đồng tôn giáo (tam giáo đồng nguyên) và tạo cho chùa Việt có một sắc thái riêng khác với chùa của các nước láng giềng.

Các yếu tố: chính trị, xã hội, kinh tế tại các thời điểm khác nhau đã tác động không nhỏ đến kiến trúc Phật giáo và được thể hiện rõ nét trong từng đường nét của nghệ thuật điêu khắc, hội họa.

Quá trình giao lưu của văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, văn hóa Trung Quốc, văn hóa Chăm-pa, điều kiện khí hậu khác nhau tạo cho kiến trúc chùa ở ba miền Bắc, Trung và Nam có những nét độc đáo, đặc sắc riêng.

Kiến trúc chùa Việt thay đổi theo thời gian và không gian nhưng vẫn có những đặc trưng mang tính phổ biến thẩm mĩ và triết lý thâm mỹ phương Đông:

Ngôi chùa Việt thường được xây trên thế đất đẹp, có sông, có núi, với địa điểm không gần khu dân cư quá mà cũng không xa khu dân cư quá và thường quay về hướng nam - phù hợp với khí hậu Việt Nam và quan niệm Phật giáo.



Chùa Long Bàn (Vũng Tàu) - mô típ lưỡng long tranh châu

Chùa Việt là một quần thể các thành tố kiến trúc được tổ hợp theo một trục dọc hoặc hướng tâm, tạo nên bố cục cân bằng đối xứng, nhấn mạnh tính chiều hướng, kiến trúc chính và kiến trúc phụ. Tổ hợp không gian theo nguyên lý nửa kín nửa mở. Yếu tố động - tĩnh, thực - hư luôn có mặt trong ngôi chùa Việt, được thể hiện ở quan niệm phong thủy trong việc chọn thế đất, hướng nhà, cảnh quan sông núi, tổ hợp không gian (sân vườn, mặt nước), không gian nội thất, và cả trong từng bộ phận cấu trúc công trình.

Tỷ lệ kiến trúc hài hòa, cân xứng, mặt bằng có xu hướng dần trải tạo sự gần gũi của chùa Việt với thiên nhiên hơn và phù hợp với tâm thức của người Việt hơn.

Từ mặt bằng đến các chủ đề, mô típ trang trí điêu khắc đều có bố cục đối xứng, cân bằng đem đến cho không gian ngôi chùa một nét riêng, độc đáo và đậm tính tâm linh.

Yếu tố sân vườn - cây xanh - mặt nước luôn là những yếu tố phổ biến và điển hình trong tổ hợp không gian - tạo cho không gian kiến trúc thêm vẻ u tịch.

Hệ kết cấu gỗ thể hiện tính hợp lý, hài hòa giữa trang trí điêu khắc và kết cấu chịu lực.

Tất cả những giá trị này đã tạo cho ngôi chùa Việt một không gian vừa trong sáng giản dị, vừa tôn nghiêm, trang trọng, trở thành bộ phận cấu thành di sản văn hóa dân tộc, là nguồn sử liệu sống động, giàu tính thuyết phục, là đối tượng tham

gia du lịch. Vì vậy, vấn đề bảo vệ, giữ gìn và phát huy tác dụng các giá trị của chùa Việt là cần thiết và cấp bách./.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (HUCE) trong đề tài mã số 09-2023/KHXD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biền - *Chùa Việt* - NXB VH-TT 1996
2. Nguyễn Phi Hoàng - *Lược sử Mỹ thuật VN* - NXB KHXH 1970
3. Hoàng Đạo Kính - *Bảo tồn và tu bổ di tích* - TCNCVH-NT 2/1991
4. Nguyễn Đình Lễ - *Đất nước chùa vàng* - NXBGD 1988
5. Vũ Tam Lang - *Kiến trúc cổ Việt Nam* - NXBXD 1998
6. Nguyễn Bá Lăng - *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam* - Viện ĐH Vạn Hạnh 1972
7. Nguyễn Đức Nùng - *Mỹ thuật thời Lý* - NXBVH 1973
8. Nguyễn Đức Nùng - *Mỹ thuật thời Trần* - NXBVH 1977
9. Nguyễn Đức Nùng - *Mỹ thuật thời Lê Sơ* - NXBVH 1978
10. Nguyễn Đức Thiêm - *Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam* - NXBXD 2000
11. Hà Văn Tấn - *Chùa Việt Nam* - NXB TPHCM 1993
12. Chu Quang Trứ - *Mỹ thuật Lý - Trần* - Mỹ thuật Phật giáo - NXB Thuận Hóa 1997
13. Chu Quang Trứ - *Lược sử mỹ thuật và mỹ thuật học* - NXBGD 1998
14. Nguyễn Tài Thư - *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* - NXBKHXH 1988
15. Trịnh Quốc Vượng - *Cơ sở Văn Hóa Việt Nam* - NXBGD 1999